

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ
SỞ XÂY DỰNG

CHỈ SỐ GIÁ XÂY DỰNG
THÁNG 3 NĂM 2019

(Công bố kèm theo Văn bản số *540* /SXD-KTXD
ngày *16* tháng *4* năm 2019 của Sở Xây dựng Phú Thọ)

PHÚ THỌ, THÁNG 4 NĂM 2019

UBND TỈNH PHÚ THỌ
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *570* /SXD-KTXD

Phú Thọ, ngày *16* tháng 4 năm 2019

Về việc công bố chỉ số giá xây dựng tháng 3 năm 2019.

Kính gửi:

- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể;
- UBND các Huyện, thị, thành.

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 17/2018/QĐ-UBND ngày 20/9/2018 của UBND tỉnh Phú Thọ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng;

Căn cứ Văn bản số 4206/UBND-KT6 ngày 9/10/2015 của UBND tỉnh Phú Thọ về giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan Công bố chỉ số giá xây dựng trên địa bàn tỉnh Phú Thọ theo quy định tại Nghị định số 32/2015/NĐ-CP của Chính phủ;

Sở xây dựng Công bố tập chỉ số giá xây dựng tháng 3 năm 2019 (*theo kết quả tính toán, xác định của liên ngành Tài chính và Xây dựng*) tại 3 khu vực kèm theo văn bản này để các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tham khảo, sử dụng trong việc xác định, điều chỉnh Tổng mức đầu tư và dự toán xây dựng công trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Xây dựng (B/cáo);
- UBND tỉnh (B/cáo);
- Lưu: VP, KTXD. *Chu*

KT.GIÁM ĐỐC
P. GIÁM ĐỐC

Chu

Trương Xuân Chí

CHỈ SỐ GIÁ XÂY DỰNG

(Kèm theo văn bản số: *540* /SXD-KTXD ngày *16* tháng 4 năm 2019 của Sở Xây dựng về việc công bố chỉ số giá xây dựng tháng 3 năm 2019)

I - Giới thiệu chung

1 - Chỉ số giá xây dựng

Chỉ số giá xây dựng là chỉ tiêu phản ánh mức độ biến động của giá xây dựng theo thời gian. Các chỉ số giá xây dựng trong tập chỉ số giá xây dựng được xác định theo nhóm công trình thuộc 5 loại công trình xây dựng (Công trình dân dụng; công trình công nghiệp; công trình giao thông; công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; công trình hạ tầng kỹ thuật) và theo khu vực: Khu vực thành phố Việt Trì; Khu vực thị xã Phú Thọ, huyện Phù Ninh, huyện Lâm Thao, huyện Thanh Ba, huyện Tam Nông; Khu vực huyện Thanh Sơn, huyện Tân Sơn, huyện Cẩm Khê, huyện Yên Lập, huyện Hạ Hòa, huyện Đoan Hùng, huyện Thanh Thủy, bao gồm các loại chỉ số sau:

- Chỉ số giá xây dựng công trình.
- Chỉ số giá phần xây dựng.
- Các chỉ số giá xây dựng theo yếu tố chi phí gồm: Chỉ số giá vật liệu xây dựng công trình, chỉ số giá nhân công xây dựng công trình và chỉ số giá máy thi công xây dựng công trình.
- Chỉ số giá vật liệu xây dựng chủ yếu.

2 - Các từ ngữ trong tập chỉ số giá xây dựng này được hiểu như sau:

Chỉ số giá xây dựng công trình là chỉ tiêu phản ánh mức độ biến động của giá xây dựng công trình theo thời gian.

Chỉ số giá phần xây dựng là chỉ tiêu phản ánh mức độ biến động chi phí xây dựng của công trình theo thời gian.

Chỉ số giá vật liệu xây dựng công trình là chỉ tiêu phản ánh mức độ biến động chi phí vật liệu xây dựng trong chi phí trực tiếp của cơ cấu dự toán theo thời gian.

Chỉ số giá nhân công xây dựng công trình là chỉ tiêu phản ánh mức độ biến động chi phí nhân công trong chi phí trực tiếp của cơ cấu dự toán theo thời gian.

Chỉ số giá máy thi công xây dựng công trình là chỉ tiêu phản ánh mức độ biến động chi phí máy thi công xây dựng trong chi phí trực tiếp của cơ cấu dự toán theo thời gian.

Thời điểm gốc là thời điểm được chọn làm gốc để so sánh, các cơ cấu chi phí xây dựng được xác định tại thời điểm này, thời điểm gốc tại Văn bản này là năm 2016.

Thời điểm so sánh là thời điểm cần xác định các chỉ số giá so với thời điểm gốc hoặc so với thời điểm so sánh khác.

3 - Chỉ số giá xây dựng công trình tại các Bảng "*Chỉ số giá chỉ số giá xây dựng công trình*" đã tính toán đến sự biến động của các chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và một số khoản mục chi phí khác của chi phí đầu tư xây dựng công trình.

Các chỉ số giá xây dựng công trình này chưa xét đến sự biến động của chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (nếu có), chi phí thuê tư vấn nước ngoài (nếu có), chi phí rà phá bom mìn và vật liệu nổ, lãi vay trong thời gian xây dựng (đối với các dự án có sử dụng vốn vay), vốn lưu động ban đầu (đối với các dự án sản xuất, kinh doanh).

Khi sử dụng các chỉ số giá xây dựng công trình làm cơ sở để xác định tổng mức đầu tư thì cần căn cứ vào tính chất, đặc điểm và yêu cầu cụ thể của dự án để tính bổ sung các khoản mục chi phí này cho phù hợp.

Chỉ số giá phần xây dựng công trình tại các Bảng "*Chỉ số giá phần xây dựng*" đã tính đến phần biến động của chi phí trực tiếp (chi phí vật liệu, nhân công và chi phí máy thi công xây dựng) và các khoản mục chi phí còn lại trong chi phí xây dựng (chi phí hạng mục chung; chi phí chung; chi phí chịu thuế tính trước; thuế giá trị gia tăng).

Trường hợp những công trình có tính chất đặc thù, đặc biệt (nền móng, kết cấu, điều kiện thi công, vị trí địa lý ...) thì vận dụng chỉ số giá xây dựng vào việc tính toán cần có sự nghiên cứu, điều chỉnh bổ xung cho phù hợp.

Chỉ số giá vật liệu xây dựng công trình, chỉ số giá nhân công xây dựng công trình và chỉ số giá máy thi công xây dựng công trình tại các Bảng "*Chỉ số giá vật liệu, nhân công, máy thi công*" đã tính đến sự biến động chi phí vật liệu xây dựng, chi phí nhân công xây dựng và chi phí máy thi công xây dựng trong chi phí trực tiếp.

Chỉ số giá của một số loại vật liệu xây dựng chủ yếu tại Bảng "*Chỉ số giá vật liệu xây dựng chủ yếu*" phản ánh mức biến động giá vật liệu xây dựng chủ yếu bình quân tháng 3 năm 2019 so với giá vật liệu xây dựng chủ yếu bình quân năm 2016.

4 - Các chỉ số giá xây dựng của tháng 3 năm 2019 đã được tính toán theo chi phí nhân công, chi phí máy thi công xây dựng, các chi phí khác trong dự toán xây dựng công trình tại mặt bằng giá xây dựng tháng 3 năm 2019 tương ứng; dự toán công trình được điều chỉnh cơ cấu theo Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí